

Số: /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 2323/MH ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Công ty Cổ phần sản xuất giấy Mỹ Hương về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất giấy Kraft Liner và Duplex”.

Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần sản xuất giấy Mỹ Hương, địa chỉ tại Tầng 3, tòa nhà Hải Phòng Tower, số 32 Trần Phú, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất giấy Kraft Liner và Duplex” có địa chỉ tại thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất giấy Kraft Liner và Duplex.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0202033618 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 7 năm 2020, thay đổi lần 1 ngày 25 tháng 11 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7441535848 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02 tháng 02 năm 2021, thay đổi lần thứ nhất ngày 30 tháng 12 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 0202033618.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất giấy Kraft Liner và Duplex; sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 16.722 m².
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất: Tổng công suất đăng ký 40.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Được phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.6. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần sản xuất giấy Mỹ Hương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần sản xuất giấy Mỹ Hương có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày tháng năm 2022 đến ngày tháng năm 2029).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3811/GP-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hải Phòng (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan);
- Sở TN&MT thành phố Hải Phòng;
- Cổng Thông tin một cửa quốc gia;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần sản xuất giấy Mỹ Hương;
- Lưu: VT, TCMT, L₁₂.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

1.1. Nguồn phát sinh nước thải thường xuyên (được thu gom về Hệ thống xử lý tuần hoàn nước sản xuất 6.500 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý được tái sử dụng tuần hoàn cho sản xuất, một phần nước thải sau xử lý được đưa về Hệ thống xử lý nước thải 2.400 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý), bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước đen, nước xám) phát sinh từ khu vực nhà nghỉ 2 tầng số 1, nhà nghỉ 2 tầng số 2, khu vực nhà điều hành, khu vực nhà vệ sinh chung, nhà vệ sinh khu vực sản xuất.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực sản xuất bột.

- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình xeo giấy.

- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa máy ép bùn.

- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình ép bùn.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải không thường xuyên (được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải 2.400 m³/ngày đêm để xử lý):

- Nguồn số 06: Nước thải vệ sinh công nghiệp.

- Nguồn số 07: Nước thải từ rửa hệ thống lọc.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Lạch Tray tại thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°):

X= 2303076; Y= 589070.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.400 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức vào đường ống PVC D160 đi ngầm qua đê hữu sông Lạch Tray, sau đó xả ra sông Lạch Tray theo phương thức xả mặt, ven bờ.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải công nghiệp giấy và bột giấy QCVN 12-MT:2015/BTNMT, Cột A (hệ số $K_q=0,9$ và $K_f=1,1$), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định với các thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, Độ màu, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.
2	pH	-	6-9		
3	BOD ₅ ở 20°C	mg/l	29,7		
4	COD	mg/l	74,25		
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	49,5		
6	Độ màu (pH = 7)	Pt-Co	49,5		
7	Amoni	mg/l	4,95		
8	Tổng Nitơ	mg/l	19,8		
9	Tổng Phospho	mg/l	3,96		
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
11	Coliform	MPN/100ml	3.000		
12	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/l	7,425	01 năm/lần	
13	Dioxin	Pg TEQ/l	14,85		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nguồn số 01 (nước đen được xử lý sơ bộ bằng 05 bể tự hoại 03 ngăn, có tổng dung tích thiết kế 66,5 m³; nước xám không đi qua bể tự hoại) được thu gom bằng đường ống uPVC D75 ngầm về Hệ thống xử lý tuần hoàn nước sản xuất 6.500 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ các nguồn số 02, 03, 04, 05 được thu gom về Hệ thống xử lý tuần hoàn nước thải sản xuất 6.500 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ các nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 sau khi được xử lý tại Hệ thống xử lý tuần hoàn nước thải sản xuất 6.500 m³/ngày đêm được tuần hoàn tái sử dụng cho các công

đoạn sản xuất với lưu lượng lớn nhất 4.100 m³/ngày đêm, phần còn lại được dẫn về Hệ thống xử lý nước thải 2.400 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ nguồn số 06, 07 được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải 2.400 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Hệ thống xử lý tuần hoàn nước sản xuất 6.500 m³/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 → Lọc cát → Thiết bị thu hồi bột giấy → Bể lắng → Bể cấp tuyến nổi → Bể tuyến nổi → Tuần hoàn, tái sử dụng 4.100 m³/ngày đêm + chuyển sang hệ thống xử lý nước thải 2.400 m³/ngày đêm để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 6.500 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, PAM (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 2.400 m³/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nguồn số 06, 07 và một phần nước thải từ Hệ thống xử lý tuần hoàn nước sản xuất → Bể xử lý sinh học SBR → Bể trung gian → Bể lọc → Bể khử trùng → Bể xả thải → Hệ thống quan trắc online → Xả ra nguồn tiếp nhận là sông Lạch Tray.

- Công suất thiết kế: 2.400 m³/ngày đêm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: H₃PO₄, Đạm, Javel (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3 phần A của Phụ lục này).

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Bể xả nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải 2.400 m³/ngày đêm.

- Thông số đã lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, COD, TSS, nhiệt độ, độ màu, Amoni.

- Lắp đặt thiết bị lấy mẫu tự động tại hệ thống xử lý nước thải.

- Lắp đặt camera theo dõi, truyền tín hiệu về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng.

- Kết nối, truyền số liệu kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng.

- Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tự động, liên tục đối chiếu với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải công nghiệp giấy và bột giấy QCVN 12-MT:2015/BTNMT, Cột A (K_q=0,9, K_f=1,1); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (K_q=0,9, K_f=1,1).

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.5.1. Công trình ứng phó sự cố:

Xây dựng bể sự cố có dung tích thiết kế 4.306 m³; Bể xây dựng bằng bê tông cốt thép, có đáy và thành được chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài; lắp đặt 02 bơm nước thải.

1.5.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại bể sự cố để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục nước thải sau xử lý và thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Hàng ngày, thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý tuần hoàn nước sản xuất 6.500 m³/ngày đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải 2.400 m³/ngày đêm.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào của hệ thống xử lý tuần hoàn nước sản xuất 6.500 m³/ngày đêm; Tại đầu ra sau bể tuyển nổi của hệ thống xử lý tuần hoàn nước sản xuất 6.500 m³/ngày đêm.

- Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải 2.400 m³/ngày đêm; Tại đầu ra sau bể xả thải của hệ thống xử lý nước thải 2.400 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại hệ thống xử lý nước thải 2.400 m³/ngày đêm:

- Chất ô nhiễm chính: Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, Amoni, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Độ màu, Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX), Dioxin, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Giá trị giới hạn: Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Hệ thống xử lý tuần hoàn nước sản xuất 6.500m³/ngày đêm:

Đáp ứng chất lượng nước thải đầu vào phục vụ sản xuất của Công ty với các thông số pH, TSS đáp ứng QCVN 12-MT:2015/BTNMT, Cột B₁ (K_q=0,9, K_f=1,1).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3 Phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng.

Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải phát sinh từ hệ thống 19 quạt thông gió trong nhà xưởng sản xuất và 01 quạt thông gió trong kho hóa chất với công suất thiết kế 44.500 m³/giờ/quạt.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Không phải kiểm soát do khí thải phát sinh có cùng tính chất, chất lượng không khí tương đương trong khu vực nhà xưởng sản xuất và kho hàng hóa.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống quạt thông gió bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Đảm bảo chất lượng không khí tại khu vực nhà xưởng sản xuất và kho hàng hóa theo đúng quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy nghiền.
- Nguồn số 02: Khu vực sấy.
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại: Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Nguồn số 01: Tọa độ: X= 2303070; Y = 589036.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X= 2303040; Y = 589048.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X= 2303077; Y = 589059.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
- 2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4

NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU:

Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu của từng năm (chu kỳ 12 tháng):

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu (tấn/năm)
	Tên phế liệu	Mã HS	
1	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy kraft hoặc bìa kraft hoặc giấy hoặc bìa sóng, chưa tẩy trắng	4707 10 00	36.417
2	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy hoặc bìa khác được làm chủ yếu bằng bột, giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ	4707 20 00	
3	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy hoặc bìa được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình cơ học (ví dụ: Giấy in báo, tạp chí và các ấn phẩm tương tự)	4707 30 00	
TỔNG CỘNG			36.417

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT:

1. Hệ thống, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu:

1.1. Loại phế liệu sử dụng:

- Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi: Mã HS 4707 10 00, mã HS 4707 20 00, mã HS 4707 30 00.

1.2. Tóm tắt quy trình công nghệ trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu:

Nguyên liệu (giấy phế liệu) → Hệ thống nghiền → Sàng nhiều cấp, sàng phân ly → Lọc cát → Nghiền đĩa → Bể chứa bột → Xeo giấy (phun bột, ép ướt, sấy, ép keo, sấy, ép quang cứng) → Tráng phủ → Ép quang mềm, lô lạnh → Lô cuộn → Kiểm tra → Nhập kho thành phẩm.

- Công suất thiết kế (tấn/năm): 40.000 tấn sản phẩm/năm.

- Hệ số hao hụt: 1,16 (để sản xuất 01 tấn sản phẩm cần 1,16 tấn phế liệu).

- Sản phẩm (tấn/năm): 40.000 tấn giấy sản phẩm/năm.

2. Biện pháp, phương án xử lý các tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu:

2.1. Hệ thống, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu:

Không đầu tư hệ thống xử lý tạp chất đi kèm phế liệu.

2.2. Phương án chuyển giao, xử lý các tạp chất:

- Tạp chất tách ra từ phế liệu giấy được thu gom, quản lý cùng các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường khác phát sinh trong Nhà máy.

- Ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng và năng lực phù hợp để xử lý theo quy định pháp luật.

3. Yêu cầu đối với kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Diện tích kho lưu giữ: 1.858 m².

- Thiết kế, cấu tạo kho: Kho có kết cấu khung thép hàn kiểu Zamil, mái che bằng tôn, nền bê tông chống thấm, không rạn nứt, đủ độ bền chịu được tải trọng lớn nhất của lượng phế liệu cao nhất theo tính toán.

- Vật liệu làm tường và vách ngăn: Khung thép, tường gạch cao 3 m, quay tôn đến mái.

- Biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong: Bố trí tại khu vực khuất gió, được che chắn bởi nhà xưởng sản xuất và tường rào.

- Hệ thống thu gom nước mưa: Hệ thống thu gom nước mưa từ mái vào hệ thống thoát nước mưa của nhà máy, mặt sàn được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Hệ thống thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh: Không phát sinh nước thải trong kho lưu giữ phế liệu.

- Khả năng lưu giữ tối đa (tấn): Khoảng 11.880 tấn.

4. Bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu

Không có bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu.

5. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

5.1. Chỉ được phép nhập khẩu khối lượng phế liệu đảm bảo sức chứa của kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu; chỉ được sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại dự án theo Giấy phép môi trường này; nhập khẩu đúng chủng loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu theo quy định trong Phần A Phụ lục này.

5.2. Phế liệu nhập khẩu phải đáp ứng QCVN 33:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

5.3. Tái xuất đối với những lô hàng phế liệu nhập khẩu không đáp ứng QCVN 33:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; trường hợp không thể tái xuất, phải có hợp đồng với đơn vị đủ năng lực để xử lý, tiêu hủy chất thải, phế liệu vi phạm theo quy định của pháp luật.

5.4. Kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu phải có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ phế liệu được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; sàn bảo đảm kín, chống thấm, chịu được tải trọng của lượng phế liệu cao nhất theo tính toán; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

5.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải ghi chép đầy đủ về khối lượng phế liệu sử dụng của từng hệ thống, thiết bị xử lý, tái chế. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định.

5.6. Phân định, phân loại chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu nhập khẩu để có phương án xử lý chất thải phù hợp.

Phụ lục 5**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	3
2	Thiết bị linh kiện điện tử thải (bóng đèn led)	16 01 13	5
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 03	282
Tổng khối lượng			290

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa-lý	12 02 02	41.961
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	1.535
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	71
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	212
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	640
Tổng khối lượng			44.419

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

(Không bao gồm chất thải được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất)

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Tạp chất tách ra từ phế liệu (băng keo, ni lông...)	800
2	Đinh ghim, dây buộc	32

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
3	Cát, sỏi	16
4	Bột giấy thất thoát	12
5	Bột giấy loại ra từ quá trình sản xuất	5.387
6	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	5
	Tổng khối lượng	6.252

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	27
	Tổng khối lượng	27

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít, 500 lít.
- Thùng lưu chứa ghi nhãn mã CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 20 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có tường tôn bao kín, mái che bằng tôn, nền bê tông, có hố thu gom và gờ chống tràn chất thải lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao chứa jumbo.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 20 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường tôn bao kín, mái tôn, nền kho được bê tông hóa, có gờ chắn để ngăn nước mưa chảy tràn vào bên trong kho.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng đựng rác 20 lít đến 500 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa:

Không có kho lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 6**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 1772/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất giấy KRAFT LINER và DUPLEX” tại thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Ký hợp đồng cung cấp hơi với Công ty Cổ phần kinh doanh Đông Á đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp Giấy phép môi trường số 05/GPMT-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022 (đơn vị cung cấp hơi) và Công ty TNHH Bách khoa Á Châu Hưng Yên (đơn vị vận hành lò hơi cho Công ty Cổ phần kinh doanh Đông Á).

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy; thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống cấp hơi để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống cấp hơi; đảm bảo an toàn và môi trường đối với đường ống cấp hơi và sử dụng hơi phục vụ sản xuất theo quy định; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống cấp hơi và sử dụng hơi.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

6. Thực hiện xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 5, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.